

# GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THEO PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM - QUYỀN SAO CHÉP CỦA THƯ VIỆN

Nguyễn Khánh Phương

Trường Đại học PHENIKAA

**Tóm tắt:** Trong môi trường giáo dục, thư viện đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc cung cấp các nguồn thông tin để hỗ trợ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của mỗi chủ thể trong xã hội cũng như đảm bảo thư viện hoạt động đúng với chức năng của mình, pháp luật về sở hữu trí tuệ Việt Nam đã ghi nhận quyền sao chép của thư viện là một trong những trường hợp giới hạn quyền tác giả. Đây cũng là sự thể hiện việc cân bằng lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả với cộng đồng, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

**Từ khóa:** Quyền tác giả; giới hạn quyền tác giả; sử dụng hợp lý; sao chép; thư viện.

## LIMITATIONS OF COPYRIGHT IN TEACHING AND RESEARCH ACTIVITIES UNDER INTELLECTUAL PROPERTY LAW OF VIETNAM - REPRODUCTION RIGHTS OF LIBRARIES

**Abstract:** In the educational environment, libraries play an important role in providing information sources to support teaching and research activities. Aiming to reserve and enforce the right of access to information of each individual in society and while demonstrating that the library's functions are rightfully performed, Intellectual Property Law of Vietnam has recognized the library's reproduction right as one of the limitations of copyright. This also indicates the balance between the interest of the author, the copyright holder and that of the community; thus, contributing to the overall development of society.

**Keywords:** Copyright; limitations of copyright; fair use; reproduce; library.

### Đặt vấn đề

Công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH) cần khai thác rất nhiều tác phẩm của nhiều tác giả để truyền đạt, phổ biến kiến thức cũng như sử dụng, ứng dụng các kết quả sáng tạo đó trong khoa học và đời sống. Từ đó, đào tạo và cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ, có kiến thức, có kỹ năng và văn hóa,...; trở thành những trung tâm sáng tạo tri thức và chuyển giao công nghệ, góp phần tích cực vào sự phát triển của đất nước.

Việc cải thiện và nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH của mỗi cá nhân, tập thể luôn cần sự hỗ trợ rất lớn từ các nguồn tài liệu. Nếu không có sự hạn chế độc quyền của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả (QTG) thì người sử dụng sẽ rất khó khăn trong việc tiếp cận, khai thác các tác phẩm, từ

đó không thể khuyến khích được quá trình sáng tạo của mỗi chủ thể trong xã hội. Có thể nói, việc giới hạn QTG trong hoạt động giảng dạy và NCKH là vô cùng quan trọng và cần thiết, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời, đây cũng là sự thể hiện của việc cân bằng lợi ích của tác giả và chủ sở hữu QTG với cộng đồng.

Giới hạn QTG trong hoạt động giảng dạy, NCKH có thể được tiếp cận dưới nhiều phương thức, góc độ khác nhau. Nếu tiếp cận dưới góc độ hẹp thì giới hạn QTG, trong hoạt động giảng dạy, NCKH được hiểu là việc hạn chế quyền của tác giả, chủ sở hữu QTG khi tác phẩm được sử dụng để giảng dạy, NCKH thì người sử dụng không phải xin phép, có thể không phải trả thù lao nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm và không

được gây phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu QTG.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì có nhiều hình thức cụ thể của việc sử dụng tự do tác phẩm. Một trong số đó là hoạt động sao chép của thư viện. Hoạt động của thư viện luôn gắn liền với vấn đề bảo hộ QTG, vì chức năng, nhiệm vụ của thư viện là tổ chức sử dụng chung tài nguyên thông tin, sản phẩm thông tin và dịch vụ thư viện; truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại; phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí; góp phần hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng thư viện (khoản 2 Điều 4 Luật Thư viện 2019) và đặc điểm nguồn tài liệu của thư viện chính là các sản phẩm trí tuệ - đối tượng được bảo hộ QTG.

### **1. Quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền sao chép của thư viện**

Điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019) quy định như sau:

*“1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:*

*... đ) Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu”*

#### **Thứ nhất, về đối tượng áp dụng**

Theo quy định trên có thể thấy, quyền sao chép của thư viện chỉ được áp dụng đối với các tác phẩm đã được công bố. Đây được coi là điều kiện quan trọng được ghi nhận rất rõ trong quy định của pháp luật SHTT Việt Nam và các điều ước quốc tế, cũng như pháp luật các quốc gia khác; bởi lẽ, nếu các tác phẩm chưa được công bố mà đã có sự sử dụng từ các chủ thể khác trong xã hội thì sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích của tác giả, chủ sở hữu QTG, bao gồm cả thiệt hại về tinh thần và thiệt hại về tài sản.

Những tác phẩm luôn chứa đựng rất nhiều công sức của tác giả, kể cả về kiến thức, thời gian, tiền bạc,... Do đó, việc bảo vệ quyền tác giả, chủ sở hữu QTG trước sự xâm phạm của các chủ thể khác là vô cùng cần thiết. Pháp luật Việt Nam ghi nhận quyền công bố tác phẩm là một trong những quyền nhân thân của tác giả bởi có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến danh dự, uy tín của tác giả. Tác giả là người sáng tạo ra tác phẩm nên có quyền công bố hoặc không công bố tác phẩm của mình đến công chúng, có quyền quyết định công bố tác phẩm vào thời điểm nào, theo cách thức nào,... Bên cạnh lợi ích tinh thần, quyền công bố còn liên quan trực tiếp đến việc khai thác các lợi ích kinh tế từ tác phẩm, là tiền đề để chủ thể thực hiện được các quyền tài sản như biểu diễn, sao chép, phân phối, truyền đạt,... tác phẩm. Quyền công bố tác phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định cơ chế pháp lý của tác phẩm [5].

Thông thường, một tác phẩm trước khi được công bố chính thức ra công chúng sẽ được cấp phép xuất bản một số lượng nhất định, nên nếu có hành vi xâm phạm quyền sao chép thì chủ sở hữu QTG có thể dễ dàng đưa ra các căn cứ chứng minh, bảo vệ quyền lợi của mình; đối với trường hợp tác phẩm chưa được công bố mà bị sao chép thì việc chứng minh có phần khó khăn hơn, khi đó, chủ sở hữu QTG phải chứng minh quyền của mình, đó là: tác phẩm đó do mình sáng tạo ra một cách độc lập hoặc mình là người được tặng, được cho, được thừa kế hay được chuyển giao quyền tài sản của QTG; bởi tác phẩm chỉ cần hình thành dưới một hình thức nhất định có thể nhận biết được, thì đã được pháp luật bảo vệ QTG [9].

Ở Việt Nam, việc công bố tác phẩm được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật SHTT 2005

và được làm rõ hơn tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP. Theo đó, việc công bố tác phẩm phải thỏa mãn các yếu tố sau:

*Thứ nhất*, phải có bản sao tác phẩm được phát hành đến công chúng, không phân biệt cách thức tạo ra các bản sao.

*Thứ hai*, số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu thường thức tác phẩm của công chúng, tùy thuộc đặc trưng của từng loại tác phẩm.

*Thứ ba*, phải được sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu QTG [8].

Quy định của Việt Nam được xây dựng căn cứ theo quy định của Công ước Berne, theo đó, khoản 3 Điều 3 Công ước Berne quy định tác phẩm đã công bố là những tác phẩm đã được phát hành với sự đồng ý của tác giả, không phân biệt phương pháp cấu tạo các bản sao, miễn là các bản đó đáp ứng được nhu cầu hợp lý của công chúng, tùy theo bản chất của tác phẩm; không được coi là công bố: trình diễn một tác phẩm sân khấu, nhạc kịch hay hoà tấu, trình chiếu tác phẩm điện ảnh, đọc trước công chúng một tác phẩm văn học, phát thanh hay truyền hình một tác phẩm văn học hay nghệ thuật, triển lãm một tác phẩm nghệ thuật hay xây dựng một tác phẩm kiến trúc.

***Thứ hai, về số lượng bản sao và mục đích***

Giải thích rõ hơn quy định của Luật, khoản 2 Điều 22 Nghị định 22/2018/NĐ-CP nêu rõ “Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc sao chép không quá một bản. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số”.

Theo quy định nêu trên, đối với việc sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện

cũng giới hạn ở số lượng bản sao là một bản và giới hạn ở mục đích là lưu trữ để nghiên cứu, không được phân phối lại dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều này tạo nên sự khó khăn cho hoạt động của các thư viện khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Bởi lẽ, nếu chỉ cho phép thư viện sao chép với số lượng một bản và chỉ cho mục đích nghiên cứu thì chưa thực sự giải quyết được nhu cầu về số lượng người đọc, mượn hoặc học tập, giải trí. Việc học sinh, sinh viên hay người đọc nói chung xin phép trực tiếp tác giả, chủ sở hữu QTG để sử dụng tác phẩm là điều không dễ dàng. Hơn nữa, các đầu sách được lưu trữ trong thư viện rất lớn, từ rất nhiều nguồn, người đọc khó có thể thực hiện việc xin phép và/hoặc trả thù lao cho các tác giả của tất cả các tác phẩm này. Thực tế, người đọc thường chỉ có nhu cầu sử dụng một phần tác phẩm và đa số các trường hợp yêu cầu sao chép tài liệu tại thư viện là nhằm mục đích NCKH hoặc học tập, giảng dạy.

Như trong Luật QTG tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển, không có quy định cụ thể về số lượng bản sao hay phần trăm (%) khi sao chép, nhưng có giới hạn về các chủ thể được quyền thực hiện hành vi sao chép. Đó là các cơ quan lưu trữ (nhà nước, quốc gia) và thư viện (thư viện khoa học và nghiên cứu thuộc cơ quan công quyền, thư viện công cộng). Trong trường hợp đặc biệt, Chính phủ có thể cho các thư viện, cơ quan lưu trữ khác có quyền làm bản sao tác phẩm; và giới hạn mục đích khi sao chép. Theo đó, các tổ chức này có thể sao chép tác phẩm nhằm mục đích bảo quản, bổ sung, nghiên cứu; phân phối cho người đọc hoặc sử dụng trong các thiết bị đọc (Điều 16) [12].

Luật QTG Hoa Kỳ quy định về hạn chế các quyền độc quyền. Theo đó, hành vi tái

bản nhiều hơn một bản sao hoặc bản ghi của tác phẩm cho mục đích lưu trữ và dùng trong thư viện sẽ không bị coi là hành vi vi phạm QTG nếu hướng tới mục đích phi lợi nhuận, sưu tập và lưu trữ trong thư viện; hay cho phép thư viện tái bản và phân phối tác phẩm kèm theo một thông báo về vấn đề QTG,... (Điều 108) [12].

Luật QTG Nhật Bản cũng có quy định về hành vi sao chép trong thư viện tại Điều 31. Theo đó, Thư viện Quốc hội hoặc các thư viện có mục đích công có thể sao chép để cung cấp cho người sử dụng thư viện với mục đích nghiên cứu, khảo sát một bản sao một phần tác phẩm đã công bố, nếu là tác phẩm đăng tải trong các tạp chí định kỳ đã được phát hành trước đó khá lâu thì được sao chép toàn bộ tác phẩm; hay được phép sao chép cho mục đích bảo tồn tư liệu hoặc đáp ứng yêu cầu của thư viện khác đối với các tư liệu đã tuyệt bản, khó có thể mua được. Ngoài ra, ở mức độ cần thiết vừa phải, Thư viện Quốc hội được phép sử dụng các phương pháp lưu trữ điện tử để thay thế bản gốc nhằm tránh việc đánh mất, hư hại, hoen bầm do công chúng sử dụng,... hoặc truyền tải tới công chúng và thư viện khác các tư liệu đã tuyệt bản. Trong trường hợp này, các thư viện khác vẫn phải đảm bảo yếu tố phi lợi nhuận và đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khảo sát của người sử dụng để có thể sao chép một phần dữ liệu nhận được và cung cấp cho mỗi người một bản sao [12].

Luật QTG New Zealand [13] cũng quy định về vấn đề sao chép tác phẩm tại thư viện khá cụ thể. Theo đó, thư viện được phép sao chép tác phẩm đã công bố (không bao gồm các bài báo trong tạp chí) nhưng phải đảm bảo trong giới hạn một bản sao với tỷ lệ sao chép hợp lý (Điều 51, 53). Đối với việc sao chép các bài báo trong tạp chí tại Điều 52, điều kiện cũng tương tự như

quy định trên nhưng có thể sao chép nhiều hơn một bản sao của các bài báo nếu các bài báo đó cùng liên quan đến một chủ đề. Luật cũng quy định người sử dụng bản sao phải chi trả một khoản tiền cho tổng chi phí sao chép và khoản đóng góp hợp lý vào chi phí chung của thư viện; đồng thời chỉ được phép dùng bản sao cho mục đích nghiên cứu hoặc học tập của cá nhân. Bên cạnh đó, đối với các tác phẩm quý hiếm, không còn bán trên thị trường, không còn được xuất bản,... mà các thư viện không thể có được với giá thông thường hoặc không thể tìm mua được thì một thư viện cũng có quyền sao chép để cung cấp bản sao cho thư viện khác với số lượng là một bản hoặc tự sao chép để lưu trữ nếu bản cũ bị mất, bị phá hủy, hư hỏng; việc tạo bản sao kỹ thuật số chỉ được áp dụng trong một số trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật (Điều 54, Điều 55 Luật QTG New Zealand). Bởi có sự giới hạn trong việc sao chép tác phẩm nên với mục đích gia tăng số lượng các tư liệu được sao chép, các thư viện phải đăng ký với Công ty quản lý bản quyền Copyright Licensing Ltd. (CLL), hoặc phải tìm kiếm giấy phép từ những chủ sở hữu QTG [1].

Ngoài ra, cũng có một số quốc gia quy định rõ về tỷ lệ phần trăm được phép sao chép như Singapore [14], Úc [15] và Anh [16]. Cụ thể, Luật của Singapore và Úc có điểm tương đồng, đó là không được sao chép vượt quá 10% tổng số trang của tác phẩm; hoặc được sao chép trên 10% tổng số trang của tác phẩm nếu như tác phẩm đó được chia thành nhiều chương và phần sao chép cùng thuộc một chương của tác phẩm đó (khoản 2 Điều 7 Luật QTG Singapore và khoản 2 Điều 10 Luật QTG Úc). Còn tại Anh, việc sao chép không quá 5% tác phẩm và việc sao chép này được thực hiện bởi cơ sở giáo dục trong

khoảng thời gian là 12 tháng (khoản 5 Điều 36 Luật QTG Anh). Một số trường đại học nước ngoài giới hạn tỷ lệ phần trăm sao chép theo hướng được quyền sao chép một chương hoàn chỉnh hoặc sao chép tính theo tỷ lệ phần trăm hoặc số trang [6, 7].

Do đó, học tập một số nước phát triển trên thế giới, Việt Nam cũng đã áp dụng mô hình quản lý tập thể quyền sao chép. Theo đó, sao chép tác phẩm có thể được thực hiện thông qua việc cấp phép sao chụp tác phẩm và thu tiền thù lao thông qua một tổ chức quản lý tập thể đại diện cho tác giả, chủ sở hữu QTG. Với hoạt động cấp phép sao chụp trong môi trường giáo dục, học sinh, sinh viên phải trả một khoản tiền thù lao cho hành vi sao chụp tác phẩm cho tổ chức đại diện của chủ sở hữu QTG, tổ chức này có trách nhiệm phân phối tiền thù lao lại cho chủ sở hữu QTG theo thỏa thuận giữa các bên. Hiện nay, tổ chức quản lý tập thể QTG có chức năng cấp phép sao chụp tại Việt Nam là Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO).

Tính đặc thù của hành vi sao chép trong môi trường đại học được thể hiện ở những điểm như sau: (i) loại tác phẩm được sao chép là sách chuyên khảo, giáo trình, hướng dẫn môn học,... gắn với nội dung của các môn học trong chương trình đào tạo; (ii) địa điểm sao chép là nơi thực hiện hoạt động giảng dạy (có thể ở trong trường hoặc ngoài trường theo các chương trình liên kết đào tạo); (iii) đối tượng sao chép là người học. Đây là những tài liệu phục vụ cho việc đào tạo, giảng dạy và cần phải có để đáp ứng nhu cầu đọc của người học và số lượng bản sao sẽ luôn luôn bằng hoặc xấp xỉ với số lượng người học tại thời điểm đó. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường của tác phẩm và phương hại

đến lợi ích của chủ sở hữu QTG xét cả về phương diện vật chất và tinh thần [10]. Do đó, mỗi cơ sở giáo dục cần phải có các giải pháp để giải quyết xung đột lợi ích của tác giả, chủ sở hữu QTG với lợi ích của số đông học viên, sinh viên, giảng viên và cũng cần lưu ý cần xây dựng các quy chế, quy định về kỷ luật người học nếu có hành vi xâm phạm QTG.

Quy định về quyền sao chép của thư viện đang được dự kiến sửa đổi tại Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT [11], cụ thể như sau:

*“Sử dụng tác phẩm trong hoạt động thư viện không nhằm mục đích thương mại, bao gồm: sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản; sao chép hợp lý một phần tác phẩm cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập; sao chép hoặc truyền tải tác phẩm được lưu giữ để sử dụng trong các thư viện liên quan thông qua mạng máy tính”*

Có thể nói, quyền sao chép của thư viện tại Dự thảo nhìn chung có xu hướng mở rộng hơn so với pháp luật hiện hành. Dự thảo chưa đề cập tới số lượng bản sao mà thư viện được quyền sao chép nhưng về mục đích thì đã có sự thay đổi, theo đó các mục đích phi thương mại được đặt ra bao gồm: (i) sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản; (ii) sao chép hợp lý một phần tác phẩm cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập; (iii) sao chép hoặc truyền tải tác phẩm được lưu giữ để sử dụng trong các thư viện liên quan thông qua mạng máy tính.

Như vậy, nhìn chung pháp luật về SHTT Việt Nam đã có những dự kiến sửa đổi về hành vi sao chép của thư viện, về cơ bản là phù hợp hơn với thực tiễn trong việc giảng dạy và NCKH hiện nay, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, tài liệu của người dạy, người

học, người sử dụng trong thư viện cũng như tạo điều kiện cho thư viện hoạt động đúng với chức năng, nhiệm vụ truyền đạt tri thức, cung cấp dịch vụ thư viện của mình.

## **2. Thực trạng áp dụng pháp luật và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền sao chép của thư viện tại Việt Nam**

Nhìn chung, các cơ sở giáo dục đều có những biện pháp nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng các quy định pháp luật về giới hạn QTG trong hoạt động giảng dạy, NCKH trong hoạt động sao chép của thư viện; hạn chế xảy ra các trường hợp xâm phạm QTG, ví dụ như xây dựng các văn bản quản lý nội bộ về SHTT mà trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của thư viện, đảm bảo việc số hóa và khai thác tài liệu của thư viện tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về SHTT hiện hành; hay tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi về quyền sao chép của thư viện; hoặc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của các nhân sự hoạt động trong lĩnh vực thư viện,... Với những biện pháp này, mỗi cá nhân trong trường, đặc biệt là nhân sự làm việc trong lĩnh vực thư viện, có thể nắm được các quy định pháp luật có liên quan và quy định của trường khi thực hiện hành vi sao chép: trường hợp nào sử dụng tác phẩm bắt buộc phải có sự đồng ý của tác giả, trường hợp được sử dụng mà không cần xin phép tác giả,...

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì trên thực tế vẫn tồn tại một số hạn chế khi thực hiện quyền sao chép của thư viện.

Một trong những hành vi vi phạm luật SHTT về quyền sao chép của thư viện rất phổ biến đó là thư viện mua một bản tác phẩm chính thức và tự sao chép ra nhiều bản để lưu trữ, cho sinh viên/giảng viên mượn.

Hiện nay, tài liệu của thư viện các trường đại học chủ yếu bao gồm tài liệu in và tài liệu điện tử. Thư viện được sao chép để lưu trữ, đồng thời phải thỏa mãn đầy đủ các điều kiện: (i) Việc lưu trữ nhằm mục đích nghiên cứu; (ii) Sao chép không quá một bản; và (iii) Việc sao chép không được làm phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm cũng như gây thiệt hại không chính đáng cho lợi ích của chủ thể QTG. Như vậy, nếu thư viện đã sao chép dưới dạng bản kỹ thuật số để lưu trữ thì sẽ không được sao chép bản cứng, kể cả thỏa mãn các điều kiện khác. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, thư viện của một số trường vẫn có những hành vi vi phạm nghiêm trọng luật SHTT do không đảm bảo đủ cả ba điều kiện nêu trên. Thư viện đôi khi sao chép không chỉ để lưu trữ mà còn để thực hiện các mục đích khác với số lượng nhiều hơn một (01) bản; đặc biệt là thư viện sao chép với số lượng lớn đủ để cho học viên, sinh viên trường mình mượn. Mặc dù việc sao chép này là phi lợi nhuận, nhưng do có sự sao chép này mà thư viện hoặc sinh viên không mua bản phân phối chính thức, ảnh hưởng đến lợi ích khai thác tác phẩm của chủ thể QTG. Hệ quả của hành vi xâm phạm QTG này là vô cùng lớn, nó khiến nhà nước thất thu một khoản thuế và ảnh hưởng tiêu cực đến nhiệt huyết, triệt tiêu sức sáng tạo của người nghiên cứu. Thậm chí, việc xâm phạm quá nhiều và dễ dàng như hiện tại còn khiến giới đầu tư e ngại khi thâm nhập vào lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục.

Như đã đề cập tại Mục 2, quyền sao chép của thư viện dự kiến sẽ được mở rộng hơn so với quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi trên thực tế cũng như học hỏi kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia phát triển trên thế giới,

hệ thống luật SHTT Việt Nam cũng có thể chỉnh sửa, bổ sung một số quyền liên quan đến thư viện theo hướng:

(i) Cho phép thư viện quốc gia sao chép bằng phương pháp điện tử để lưu trữ, sử dụng thay thế cho bản gốc đối với trường hợp tác phẩm gốc là tư liệu đã tuyệt bản hoặc được viết bằng chất liệu đặc biệt, như: thẻ tre, giấy dó,... và truyền tải tới thư viện khác các bản sao điện tử này mà không cần xin phép tác giả.

Các tác phẩm này là các tác phẩm rất khó mua và tìm kiếm bản in trên thị trường hay thậm chí là những tác phẩm cổ từ xa xưa không còn bản in. Nếu như không cho phép thư viện có quyền sao chép bằng phương pháp điện tử thì các tác phẩm này sẽ không tránh khỏi việc tác phẩm gốc bị đánh mất, hư hại, hoen ố do người sử dụng;... từ đó sẽ có khả năng dẫn đến việc khan hiếm và hạn chế một phần các tư liệu phục vụ quá trình học hỏi, nghiên cứu, tiếp thu tri thức của cộng đồng xã hội.

Bên cạnh đó, khi cho phép truyền tải tới thư viện khác thì bản thân các thư viện nhận được bản sao đó phải đảm bảo yếu tố phi lợi nhuận, chỉ được dùng bản sao phục vụ cho người đọc nội bộ và không được phép sao chép lại, phân phối, truyền tải tiếp cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.

(ii) Chỉnh sửa quy định về số lượng bản sao mà thư viện được quyền sao chép.

Một trong các đặc thù của hành vi sao chép trong môi trường giáo dục đó là đối tượng sao chép phần lớn là người học nên trên thực tế, để đáp ứng nhu cầu đọc của độc giả thì số lượng bản sao sẽ cần xấp xỉ với số lượng người học tại thời điểm đó. Tuy nhiên, nếu số lượng bản sao quá lớn thì sẽ dễ ảnh hưởng tới quyền lợi của tác giả, do đó cần kết hợp giữa số lượng bản sao dưới dạng bản cứng và bản sao dưới dạng điện tử.

Trong môi trường giáo dục không nên giới hạn một (01) bản sao, mà nên chú trọng vào yêu cầu không vì mục đích thương mại. Số lượng bản sao tác phẩm đã công bố theo mức độ cần thiết, mức độ này có thể cân đối với quy mô đào tạo cũng như khảo sát nhu cầu đọc nội bộ. Việc mở rộng số lượng bản sao hướng tới việc đảm bảo các tác phẩm này được lưu trữ với thời gian lâu hơn, bởi nếu bản sao không được thực hiện trên giấy tốt, mực in tốt thì có thể sau vài năm, tài liệu sao chụp này sẽ ố vàng, phai mực, hư hỏng dù có tác động của người đọc hay không, như vậy giá trị lưu trữ của tài liệu sao chụp sẽ ngày càng kém đi và nếu để lưu trữ trong khoảng thời gian dài hơn nữa thì bản sao chụp đó sẽ mất đi giá trị đáng kể và thậm chí không còn giá trị sử dụng. Việt Nam có thể tham khảo luật SHTT của một số nước phát triển như Hoa Kỳ, Úc, Canada hay Thái Lan. Theo quy định của các quốc gia này thì có thể sao chép hai (02) hoặc ba (03) bản cho mục đích lưu trữ, bảo quản [2]; nên đối với các tác phẩm tuyệt bản, quý, hiếm hoặc các tài liệu bị mất mát, hư hỏng trong quá trình phục vụ người đọc thì tùy vào nhu cầu sử dụng của thư viện hay người đọc, thư viện có thể sao chép không quá ba (03) bản/tài liệu cho mục đích lưu trữ.

Bên cạnh đó, kết hợp cùng phương thức lưu trữ điện tử để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người sử dụng thư viện và lợi ích của tác giả. Tuy nhiên, trong trường hợp lưu trữ bằng phương pháp điện tử cũng có thể gặp những khó khăn khi giới hạn số lượng là một bản sao, ví dụ như có trường hợp thư viện khi sao lưu (backup) dữ liệu để lưu trữ, tránh mất mát sẽ tạo ra bản sao tác phẩm. Như vậy, khi thực hiện sao lưu dữ liệu sẽ “vô tình” và không thể tránh khỏi việc tạo ra nhiều bản sao của một tác phẩm, tuy số lượng bản sao thực tế được lưu trữ là một

bản nhưng tác phẩm đó đã được “sao” lại nhiều lần thì hành vi này liệu có bị coi là hành vi vi phạm QTG không?

Ngoài ra, trong thời đại công nghệ ngày càng phát triển thì các bản sao điện tử cũng có thể phát sinh những bất cập như sự lỗi thời của phần mềm, sự lạc hậu của phần cứng,... nên nếu chỉ cho phép sao chép một bản thì cũng gặp khó khăn trong bảo tồn vì không được sao lưu, cập nhật các định dạng mới. Do đó có thể cân nhắc tới việc không giới hạn số lượng bản sao trong trường hợp này mà nên giới hạn bằng quy định khi sao chép tác phẩm không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm và không được ảnh hưởng tới lợi ích hợp pháp của tác giả hoặc chủ sở hữu QTG; đồng thời các thư viện cũng cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo truy cập nội bộ, người dùng chỉ được xem mà không thể tải về, không được phân phối hay truyền tải tới các cá nhân, tổ chức khác trừ trường hợp thư viện quốc gia truyền tải bản sao tác phẩm tuyệt bản tới các thư viện khác như đã đề cập ở trên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Loan Thùy, Bùi Thu Hằng (2011). “Thực hiện quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả trong hoạt động TT-TV”, Tạp chí Thư viện Việt Nam, 1(27)/2011. Truy cập từ: <https://nlv.gov.vn/nghiệp-vu-thư-viện/thực-hiện-quyền-sở-hữu-trí-tuệ-va-quyền-tác-giả-trong-hoạt-dong-thông-tin-thư-viện.html>
2. Lê Văn Viết (2014). “Vấn đề quyền tác giả trong hoạt động thư viện”, Tạp chí Thư viện Việt Nam, (6)/2014. Truy cập từ: <https://nlv.gov.vn/nghiệp-vu-thư-viện/vấn-đề-quyền-tác-giả-trong-hoạt-dong-thư-viện.html>
3. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019)
4. Luật Thư viện 2019
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, Vũ Thị Hải

Yến (chủ biên) (2021). Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội

6. Trường Đại học SOAS - Đại học London: <https://www.soas.ac.uk/infocomp/copyright/library/photocopying/>

7. Trường Đại học Western Sydney (UWS): <https://uws-uk.libguides.com/Copyright/CopyrightForAll>

8. Vũ Thị Hải Yến (chủ nhiệm đề tài) (2020). Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội, Đề tài NCKH cấp trường- Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.240

9. Vũ Thị Hồng Yến (2021). Bảo vệ bản quyền liên quan đến việc sao chép, trích dẫn tác phẩm trong các cơ sở giáo dục Đại học và kiến nghị hướng hoàn thiện. Truy cập từ: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/mot-so-van-de-ve-bao-ve-ban-quyen-lien-quan-den-viec-sao-chep-trich-dan-tac-pham-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-va-kien-nghi-huong-hoan-thien>

10. Vũ Thị Hồng Yến (2019). “Quyền tác giả đối với tác phẩm trong môi trường công nghiệp 4.0 tại các cơ sở giáo dục đại học”, TC Nghiên cứu Lập pháp, (21)/2019. Truy cập từ: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210430>

11. <https://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/dsduthao/chitietduthao.aspx?id=7371>

12. <http://www.cov.gov.vn/chuyen-muc/luat-cua-mot-so-quoc-gia>

13. <https://www.legislation.govt.nz/act/public/1994/0143/latest/DLM345634.html>

14. <https://sso.agc.gov.sg/Act/CA1987>

15. <https://www.legislation.gov.au/Details/C2021C00044>

16. <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48>

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 7-10-2021; Ngày phản biện đánh giá: 12-10-2021; Ngày chấp nhận đăng: 15-11-2021).*